TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HC-PT
Ngày 14-02-2023
V/v Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí M*:* Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí M, Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí M xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 523/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: *"Yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2022/HC-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2998/2022/QĐPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện***: Ông Hồ Ngọc M. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn 6, xã Đăk R'La, huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Ông Nguyễn Đình Qu. Trú tại: số 398, Thạch Lam, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí M; văn bản ủy quyền ngày 01/3/2022 – Có mặt.

- ***Người bị kiện***: Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Lê Văn H – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện Đăk Mil; – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Đăk Gằn, huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2021 của ông Hồ Ngọc M và lời khai của người đại diện theo ủy quyền trong quá trình tố tụng nội dung như sau:

Ngày 18/9/1992 ông Hồ Ngọc M làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil giao đất để thực hiện trồng cây với mục tiêu phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Ngày 06/11/1992 Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil đã ra Quyết định số 120/QĐ-UB giao cho ông M 106 ha đất rừng mục đích phát triển cây công nghiệp. Sau khi được giao đất ông M thuê nhân công, khai hoang, phục hóa 106 ha đất. Tháng 6/1993, ông M ký hợp đồng liên kết với Công ty cao su Đăk Lăk để trồng cao su. Đến năm 2000 ông M trồng được khoảng 60 ha cây cao su có độ tuổi 7 năm với chiều cao khoảng 8m chạy dọc quốc lộ 14 một mặt phía Tây dài 1.700m, chiều sâu 145m, phía Đông dài 1.800m, chiều sâu nhất 200m.

Năm 1995 vợ chồng ông Hồ Ngọc M và bà Nguyễn Thị Thu L ra Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con và chia tài sản. Ngày 27/9/1999 Tòa án nhân dân tối cao ra Quyết định Giám đốc thẩm số 345/GĐT tuyên hủy bản án dân sự phúc thẩm số 85/DSPT ngày 11/9/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/DSST ngày 23-25/3/1998 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lăk, cụ thể là Tòa án xác định diện tích đất 106 ha là tài sản chung của vợ chồng ông M, chia phần diện tích 23,9ha đất đã trồng cao su. Ông M được quyền sử dụng lô cao su số 04 là 2,4 ha, số 05: 12,4 ha trị giá 76.175.000 đồng tại xã Đăk Gằn. Sau đó Đội thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lăk đã ra Quyết định số 01/THA ngày 07/9/2000, lập biên bản giải quyết thi hành án giao cho ông M quản lý, sử dụng diện tích 14,8 ha đất trồng cao su.

Thửa đất số 734, tờ bản đồ số 34, xã Đăk Gằn, diện tích 5.735,1 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 735, tờ bản đồ số 34, xã Đăk Gằn, diện tích 2.784,6 m^2, mục đích sử dụng: 400m^2 đất ở + 2.384,6 m^2 đất trồng cây lâu năm được cấp cho ông Trần Th, bà Nguyễn Thị Ngọc L Tòa án nhân dân tối cao giải quyết chia cho ông M quản lý, sử dụng. 02 thửa đất này nằm trong lô cao su số 04, có diện tích chiều dài khoảng 135m, chiều rộng khoảng 110m được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Nông đo đạc và xác lập bản đồ địa chính ngày 25/4/2008, số thửa 11517, mục đích sử dụng là trồng cây lâu năm tọa lạc tại thôn Tân Lập, xã Đăk Gằn, huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông. Thửa đất này ông M cho ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L mượn có lập văn bản vào

ngày 03/12/1996 để trồng màu và chăm sóc, bảo vệ cây cao su (cao khoảng từ 2,5m) với thời hạn 01 năm. Ngoài ra ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L còn mượn 24m^2 đất trên đầu lô cao su (giáp mặt đường quốc lộ 14) để làm chòi ở và mượn 2.000m^2 đất trống. Sau khi hết thời hạn mượn đất thì ông M cho ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L mượn tiếp cho đến khi ông M có yêu cầu lấy lại lô đất cao su thì ông Th, bà L phải có trách nhiệm trả lại. Lô cao su số 04 có vị trí bên trái QL 14 theo hướng đi từ Đăk Mil đến thành phố Buôn Ma Thuột trong đó có diện tích mà vợ chồng ông Th, bà L chiếm đoạt, sử dụng trái phép.

Năm 2002 vợ chồng ông Th, bà L hỏi ông M xin dựng căn nhà gỗ giữa lô cao su mục đích để ở nhằm tránh khói bụi, xe cộ qua lại ồn ào thì ông M đồng ý. Tuy nhiên khi vợ chồng ông Th, bà L làm nhà ở thì toàn bộ số cây cao su trên 6.000m^2 đất (trong đơn mượn đất), 2.000m^2 đất mượn và khoảng 6.000m^2 đất chiếm thêm đã không còn cây nào sống sót, tổng số diện tích chiếm đoạt là 1,4ha và 700 cây cao su bị chết khi đang 9 năm tuổi.

Năm 2007 ông M yêu cầu ông Th, bà L trả lại đất đã chiếm đoạt nhưng ông Th, bà L không những không trả mà còn đòi ông M cắt cho ông Th, bà L 50m đất mặt đường QL 14 và hết phần đất phía sau hoặc phải đưa cho bà L 1.000.000.000 (một tỷ) đồng thì bà L mới trả lại đất cho ông M.

Đến năm 2009 ông M tiếp tục yêu cầu ông Th, bà L trả lại đất cho mượn nhưng ông Th, bà L không trả và còn xây dựng nhà trái phép trên thửa đất. Ủy ban nhân dân xã Đăk Gằn đã lập biên bản làm việc ngày 15/7/2009 ông Th bà L trình bày cho rằng năm 1996 ông M đã bán cho ông Th, bà L lô đất giá 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng, còn nợ lại 1.000.000 (một triệu) đồng nhưng không có giấy tờ.

Ngày 02/7/2014 Ủy ban nhân dân xã Đăk Gằn đã ra Thông báo số 73/TB-UBND về việc cấm dựng nhà, xây dựng công trình, sang nhượng đất trái phép tại khu vực đất tranh chấp thuộc Thôn Tân Lập, xã Đăk Gằn và yêu cầu hộ bà L giữ nguyên hiện trạng, không được cơi nới nhà ở, công trình vật kiến trúc, không được sang nhượng đất trái phép.

Ngày 26/10/2014 ông M tiếp tục có đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil khiếu nại yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với ông Th, bà L.

Ngày 29/10/2014 Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil có Công văn số 1206/UBND-VP về việc giải quyết đơn của ông Hồ Ngọc M gửi phòng tài nguyên môi trường huyện Đăk Mil yêu cầu xử lý. Ngày 26/11/2014 Ủy ban nhân dân xã Đăk Gằn mời các bên lên để giải quyết tranh chấp đất đai và tiến hành lập biên bản làm việc ghi nhận ông Th, bà L đã bán cho ông Vương 5m mặt đường QL 14 ông Vương đã làm nhà ở, bán cho bà Vân 8m mặt đường QL 14 bà Vân cũng đã làm nhà ở, bán cho bà Thủy 25m mặt đường QL 14, còn lại 95m mặt đường QL 14 ông Th, bà L hiện đang chiếm giữ, sử dụng. Sau khi không hòa giải được, ngày

03/12/2014 Ủy ban nhân dân xã Đăk Gằn đã ban hành Phiếu chuyển đơn số 98/UBND-ĐC cùng kết quả hòa giải tranh chấp đất của ông M đến Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil để giải quyết theo quy định của pháp luật, tuy nhiên đến nay ông M không nhận được giấy mời nào cũng như kết quả giải quyết vụ án.

Năm 2021 ông M biết được ông Phạm Văn N – chủ tịch UBND xã Đăk Gằn, ông Nguyễn Văn Th - cán bộ địa chính xã Đăk Gằn đã mua lại phần đất của vợ chồng ông Th, bà L nên ông M đã làm đơn kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th, bà L.

Ngày 26/02/2021 Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil có Công văn số 310/UBND-TNMT có nội dung ông Th, bà L được Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil cấp giấy CNQSD đất tại QĐ số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 đối với thửa đất số 734, tờ bản đồ số 34, xã Đăk Gằn, diện tích 5.735,1 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 735, tờ bản đồ số 34, xã Đăk Gằn, diện tích 2.784,6 m^2, mục đích sử dụng: 400m^2 đất ở + 2.384,6 m^2 đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil lại căn cứ vào Kết luận thanh tra số 121/KL-TTr ngày 10/6/2020 của Thanh tra tỉnh Đắk Nông để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th, bà L trong khi ông M là người sử dụng 106 ha không được giao Kết luận thanh tra. Vì vậy ông M đã không thực hiện được quyền khiếu nại.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil ra Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 để cấp giấy CNQSD đất cho ông Th, bà L 02 thửa đất số 734, 735 nằm trong diện tích lô cao su số 04 mà Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định phân chia cho ông M. Kết luận thanh tra số 121 ngày 10/6/2020 không thể hủy bỏ giá trị của quyết định Giám đốc thẩm số 345 ngày 27/9/1999 của Tòa án nhân dân tối cao đã có hiệu lực pháp luật, Cơ quan thi hành án dân sự huyện Đăk Mil và Cơ quan thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột đã bàn giao cho ông M có sự chứng kiến của địa phương nhưng Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil lại cấp đất cho ông Th, bà L là trái quy định, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của ông M do đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xem xét, giải quyết tuyên hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 734, 735 cho ông Th, bà L.

- Lời khai và ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil như sau:

Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L được lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đăk Mil, Ủy ban nhân dân huyện ý có kiến như sau: Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu liên quan và quy định của pháp luật hiện hành việc Ủy ban nhân dân huyện

Đăk Mil ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 734, tờ bản đồ số 34, xã Đăk Gằn, diện tích 5.735,1 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 735, tờ bản đồ số 34, xã Đăk Gằn, diện tích 2.784,6 m^2, mục đích sử dụng: 400m^2 đất ở + 2.384,6 m^2 đất trồng cây lâu năm cho ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L là đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 70 Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và căn cứ trên cơ sở tại Kết luận số 121/KL-TTr ngày 10/6/2020 của Thanh tra tỉnh Đắk Nông về việc sử dụng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một số nội dung quản lý Nhà nước về đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil tại khu vực 106 ha tại xã Đăk Gằn tạm giao cho ông Hồ Ngọc M theo Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 06/11/1992 do đó Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil chỉ hủy bỏ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 và thu hồi hoặc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp tại quyết định nêu trên khi có quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực thi hành. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Th bà L không đến Tòa án làm việc cũng như từ chối nhận giấy triệu tập. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại nhà ở cũng như tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Gằn nơi ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L cư trú đúng theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HCST ngày 08-7-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32, Điều 193, Điều 194, Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hồ Ngọc M về yêu cầu hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19-7-2022, người khởi kiện là ông Hồ Ngọc M có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Nguyễn Đình Qu vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bị kiện UBND huyện Đắk Mil có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-

ST ngày 08/7/2022 về việc khiếu kiện quyết định hành chínhh của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện, trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Người khởi kiện ông Hồ Ngọc M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

Đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện: cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 734, 735 cho ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L là đúng đối tượng khởi kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính, cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu là có căn cứ.

[3] Xét tính hợp pháp và thẩm quyền ban hành quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 thì thấy đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 và Luật Đất đai năm 2003.

[4] Xét nội dung: ông M trình bày: Thửa đất số 734, tờ bản đồ số 34, xã Đắk Gằn, diện tích 5.735,1m^2 mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 735, tờ bản đồ số 34 xã Đắk Gằn, diện tích 2.784,6 m^2 mục đích sử dụng 400m^2 đất ở + 2.384,6 m^2 đất trồng cây lâu năm được cấp cho ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L do Tòa án nhân dân tối cao giải quyết chia cho ông M quản lý, sử dụng 02 thửa đất này nằm trong lô cao su số 04, có diện tích chiều dài 135m, chiều rộng khoảng 110m. Thửa đất này ông M cho ông Trần Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L mượn có lập văn bản vào ngày 03/12/1996, để trồng màu và chăm sóc bảo vệ cây cao su (cao khoảng từ 2,5m) với thời hạn 01 năm. Ngoài ra ông Th bà L còn mượn 24m^2 trên đầu lô cao su để làm chòi và 2.000m^2 đất trống. Sau khi hết thời hạn mượn đất thì ông M cho ông Th bà L mượn tiếp cho đến khi ông M có yêu cầu lấy lại lô đất cao su thì ông Th bà L phải có trách nhiệm trả lại.

Ngày 26/02/2021 Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil có công văn số 310/UBND-TNMT có nội dung ông Th bà L được Ủy ban nhân dân huyện Đắk

Mil cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 734, tờ bản đồ số 34 xã Đắk Gằn diện tích 5.735,1m^2, mục đích sử dụng trồng cây lâu năm và thửa đất số 735 tờ bản đồ số 34 xã Đắk Gằn diện tích 2.784,6m^2 , mục đích sử dung: 400m^2 đất ở + 2.384,6m^2 đất trồng cây lâu năm (Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021). Như vây, việc Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil ra quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th, bà L 02 thửa 734,735 nằm trong diện tích lô cao su số 04 mà Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định phân chia cho ông M, nay ông M khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 nói trên.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M vì: năm 2000, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, kiểm tra việc sử dụng 106 ha đất tạm giao cho ông Hồ Ngọc M. Theo báo cáo số 190 ngày 15/9/200 của Đoàn kiểm tra thể hiện: sau 8 năm được giao đất thì tổng diện tích trồng cao su 28ha; trong đó 26 ha cao su quy đông đặc, đất khai hoang và đường lô 02ha, ông M cho mượn và sang nhượng trái phép 32.408m^2, 58 hộ dân tự lấn chiếm 250.069m^2 , đất trống chưa sử dụng 441.403m^2 . Căn cứ báo cáo số 190 ngày 15/9/2000, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil ban hành quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 11/12/2000 thu hồi 73,5 ha đất tạm giao cho ông Hồ Ngọc M, lý do thu hồi sử dụng đất không đúng mục đích và chuyển nhượng sai quy định của nhà nước.

Như vậy sau khi được tạm giao 106 ha đất để phát triển cây công nghiệp đến khi ly hôn, ông M bà Lai chỉ trồng được 23,9 ha cao su liên kết nên bản án sơ thẩm và Quyết định giám đốc thẩm chỉ giải quyết phạm vi 23,9ha cao su liên kết. Ông M xuất trình tài liệu bản photo cho mượn đất ngày 03/12/1996 để trông màu nhưng diện tích này đến năm 2000 UBND huyện Đắk Mil đã bị thu hồi trong diện tích 73,5ha. Diện tích đất cao su không bị thu hồi ông M, bà Lai đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất hộ ông Th và bà Nguyễn Thị Ngọc L sử dụng trong phạm vi 73,5ha nhà nước thu hồi. Hộ ông Th sử dụng từ năm 1995 liên tục, ổn định, năm 2016 đến nay không tranh chấp với ai. Căn cứ Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15.5.2014 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil cấp giấy cho ông Th bà L là đúng pháp luật.

[5] Nhận định của Tòa án: xét thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay phía người khởi kiện cũng không đưa ra được những chứng cứ ngoài những chứng cứ đã xem xét ở cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hồ Ngọc M.

[6] Tại phiên tòa ngày hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Tuy nhiên ông Hồ Ngọc M sinh năm 1953 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ nghị nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Ngọc M, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 08/7/2022 về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Hồ Ngọc M không phải chịu. Được hoàn lại 300.000đ theo biên lai thu số 0000137 ngày 25-7-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Trí Tuấn **Hồ Thị Thanh Thúy** **Phan Văn Yên**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí M;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự (4);
- Lưu (DTTP 16)

Phan Văn Yên